TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 26/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn H và Bà Lò Thị Ly S

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị H , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 13/3/2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Hà Văn B ;** Sinh năm 1978; Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Nơi cư trú: Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Con ông: Hà Văn U và bà Hà Thị M , đều sinh năm: 1953; Vợ: Vi Thị T , sinh năm 1975 (đã ly hôn). Có một con sinh năm 1994. Hiện nay bố, mẹ, vợ và con của bị cáo đang sinh sống tại bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Tiền án: Một tiền án: Ngày 16/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 06 (*sáu*) năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tháng 5/2018 mãn hạn tù về địa phương.

- Tiền sự: Không.

2. Bị cáo: **Lò Thị N ;** Sinh năm 1975; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Nơi cư trú: Bản Xước, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Con ông: Lò Văn H và bà: Phạm Thị D (Đều đã chết); Chồng: Hà Công P (đã chết); Có hai người con. Lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1998, hiện đang ở bản Xước, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/9/2019 tại bản Xước, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, sau khi Nìn và Bắc mua được xe máy, đến khoảng 01 giờ ngày 22/9/2019 N và B bàn bạc nhau đi sang bản Khằm Nàng (Lào) để đổi chiếc xe máy lấy ma túy về sử dụng, khoảng 04 giờ cùng ngày các bị cáo đi đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, lúc này B dừng xe vào nhà một người quen nhưng thấy đông người nên B quay ra và tiếp tục điều khiển xe máy chở N đi sang Khằm Nàng (Lào). Khoảng 06 giờ cùng ngày B và N đến Khằm Nàng - Lào. Cả hai vào nhà một người đàn ông (không rõ tên, tuổi) để nghỉ ngơi, xin ma túy sử dụng, người này đồng ý và đưa cho các bị cáo hai viên Hồng phiến (*ma túy tổng hợp*) cùng một ít Heroine, cả hai cùng nhau sử dụng ngay tại đó. Sử dụng xong B điều khiển xe máy đi ra ngoài còn N ở nhà đợi. Khoảng 05 phút sau B quay lại thì gặp người đàn ông dân tộc Mông rồi hỏi đổi chiếc xe máy để lấy ma túy sử dụng, người này đồng ý rồi vào trong nhà lấy đưa cho B một túi nilon màu xanh, bên trong đựng hồng phiến và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), Bắc cầm toàn bộ số ma túy và tiền cùng N đi bộ về. Đi được một đoạn B và N vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông (không rõ tên, tuổi) hỏi mua 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Heroine, người này cầm tiền rồi vào nhà lấy đưa cho B một cục Heroine, B cầm lấy xé túi nilon màu đen gói vào sau đó cả hai đi về. Đến khu vực gần cầu G9, các bị cáo dừng chân nghỉ ngơi bên lề đường, B lấy ra ba viên Hồng phiến và một ít Heroine để cùng sử dụng, sử dụng xong Bắc đi trước còn N cầm toàn bộ số ma túy đó theo sau, đi được một đoạn thì cả hai bắt kịp nhau và tiếp tục đi bộ theo hướng bản Cân, xã Tam

Chung. Dọc đường B vào nhà một người đàn ông (không rõ tên, tuổi) để nghỉ ngơi và lấy số Heroine còn lại mà trước đó lúc nghỉ chân ở cầu G9 chưa sử dụng hết ra sử dụng còn N chỉ vào ngồi nghỉ một lúc rồi đi trước, sử dụng xong B đi theo sau. Đến khu vực cống thuộc đầu bản Lát, xã Tam Chung thì B bị chuột rút, N quay lại dìu B xuống dưới cống để nghỉ. B lấy ra ba viên Hồng phiến và một ít Heroine để cả hai cùng nhau sử dụng, N sử dụng trước còn B dùng túi nilon màu đen mà N đưa cho gói số ma túy còn lại vào sau đó sử dụng sau. Sử dụng xong B bỏ số ma túy vào bên trong chiếc mũ lưỡi trai màu đen của mình đội lên đầu rồi cả hai lại lên đường tiếp tục đi về nhà B để nghỉ, khoảng 21 giờ ngày 22/9/2019 Bắc và N đang đi trên đường đến khu vực gần cầu Cứng Mường Lát thì bị tổ công tác của Công an huyện Mường Lát kiểm tra, do hoảng sợ nên B đã ném chiếc mũ lưỡi trai màu đen đang đội trên đầu có chứa gói ma túy xuống đất thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Tại bản kết luận giám định số 2188/PC09 ngày 26/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, vật chứng thu giữ của các bị cáo được kết luận như sau:

- Một trăm năm bảy viên nén màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 14,508g (mười bốn phẩy năm không tám gam) loại: Methamphetamine.

- Hai viên nén màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,164g (không phẩy một sáu bốn gam) loại: Methamphetamie.

- Các cục bột dạng nén màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,629g (không phẩy sáu hai chín gam) loại: Heroine.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-MT ngày 06/02/200 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; Bị cáo B do tái phạm nên chịu tình tiết định khung quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo,

thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm n khoản 2 điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo. Điểm o khoản 2 điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn B .

Về hình phạt:

- Bị cáo Hà Văn B : Từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

- Bị cáo Lò Thị N : Từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo, vì các bị cáo đều làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định, đều là người nghiện chất ma túy, nên không có tính thực thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Cả hai bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận, biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kìm chế được bản thân nên mua ma túy về sử dụng. Các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt thấp nhất để các bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của các bị cáo tàng trữ tổng trọng lượng ma túy là **15,301g** (***0,629g*** *hêroin* + ***14,672g*** *Methamphetamine*) để sử dụng là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Ma tuý còn là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều nghiện chất ma túy, bị cáo Nìn là người rủ Bắc đi mua ma túy nhẽ ra phải chịu mức hình phạt cao hơn Bắc nhưng bị cáo Bắc có tiền án về tội phạm ma túy phải chịu tình tiết định tội nên các bị cáo chịu mức hình phạt như nhau. Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Trọng lượng ma túy các bị cáo tàng trữ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm n, điểm o khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự như

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo Bắc có bố đẻ là ông Hà Văn Uất, sinh năm 1953, được Nhà Nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng 3 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

- Bị cáo Hà Văn Bắc có tiền án, ngày 16/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 06 (*sáu*) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tại bản án này bị cáo Bắc đã phải chịu tình tiết định tội (Tái phạm nguy hiểm). Tháng 5/2018 mãn hạn tù về địa phương chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, bị cáo phải chịu tình tiết định tội (Tái phạm nguy hiểm) quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS;

- Bị cáo Lò Thị Nìn không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy tang vật vụ án thu giữ của các bị cáo còn lại sau khi giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành; Một con dao nhọn dài 27cm có cán bằng gỗ và một mũ lưỡi chai màu đen đều đã qua sử dụng. Tại phiên Tòa các bị cáo đều xác nhận không còn giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

Hiện các vật chứng kể trên đang được bảo quản tại kho vật chứng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và đề nghị của người bào chữa; miễn án phí HSST cho các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Theo lời khai của các bị cáo, người đàn ông dân tộc Mông đã đổi ma túy và người phụ nữ dân tộc Mông đã bán ma túy cho các bị cáo. Đây là công dân nước CHDCND Lào, các bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể, việc đổi và mua bán ma túy diễn ra trên lãnh thổ nước CHDCND Lào. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ điều kiện tiến hành xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: Các bị cáo Hà Văn B và Lò Thị N phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*"

Về điều luật: Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm n khoản 2 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 BLHS cho cả hai bị cáo; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm o khoản 2 Điều 249 cho bị cáo B .

Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Bị cáo Hà Văn B và bị cáo Lò Thị N , mỗi bị cáo **06** (*Sáu*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ (22/9/2019).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy:

Một phong bì ghi rõ vụ Hà Văn B và Lò Thị N được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ , Trần Thị T Hằng, Phạm Văn H cùng các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, bên trong có chứa toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định, hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKS-ML, ngày 06/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản

giao nhận vật chứng số 14/TV-CCTHADS ngày 06/02/2020 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho cả hai bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo; Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS – CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát;
- UBND xã Trung Sơn, H. Quan Hóa;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.